

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02-6- 2020

*V/v: Tuyên bố không công nhận quan hệ
vợ chồng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Danh Sử

2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020 về việc: “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Kim T, sinh năm 1971

- Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1970

Cùng trú tại: Thôn C, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 01 năm 2020, tại bản tự khai và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T rần Văn N kết hôn với nhau năm 1992, có đăng ký tại UBND xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Có tổ chức lễ cưới theo

phong tục địa phương. Tuy nhiên hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã mất và tại UBND xã Gi cũng không còn sổ lưu về việc đăng ký kết hôn giữa chị và anh N. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống tại Thôn C, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình và hạnh phúc được khoảng 5 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau. Hiện nay chị và anh N chính thức ly thân không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại nên chị giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Trần Văn N.

Về con chung: chị T xác định chị và anh Trần Văn N có 02 con chung là các cháu: Trần Hồng Q sinh năm 1992, Trần Thị Hsinh năm 2000. Hiện các cháu đã trưởng thành tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngày 31 tháng 01 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng” theo đơn khởi kiện của chị Dương Thị Kim T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định.

Đối với anh Trần Văn N mặc dù đã biết việc Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý giải quyết vụ án chị T xin tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với anh, nhưng anh N vẫn không gửi văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án đến Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Theo biên bản xác minh của Tòa án với Ủy ban nhân dân xã Gi thì hiện nay anh N vẫn có hộ khẩu và đang sinh sống tại Thôn C, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Những lần Tòa án phối hợp với Ủy ban xã Gi đến nhà anh N tổng đạt các thông báo của Tòa án cho anh N thì anh N có ký nhận nhưng không viết bản tự khai cũng không thể hiện quan điểm.

Tại biên bản xác minh ngày 02/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện N với UBND xã Gi thì Ủy ban xác định chị T và anh N hiện đã ly thân do mâu thuẫn vợ chồng.

Do vụ án thuộc trường hợp không được tiến hành hòa giải nên Tòa án huyện N đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

-Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều

35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp*: Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*” là đúng quy định tại Khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử*: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát*: Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ*: Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

Đề nghị HĐXX: Căn cứ các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Dương Thị Kim T. Xử không công nhận chị Dương Thị Kim T và anh Trần Văn N là vợ chồng.

2. Về án phí ly hôn: Chị Dương Thị Kim T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “*Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã Gi, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Kim T và anh Trần Văn N xây dựng gia đình với nhau năm 1992, chị T khai có đăng ký kết hôn nhưng hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã mất, Chị cũng không chứng minh được việc đã đăng ký kết hôn với nhau. Xác nhận của UBND xã Gi cũng khẳng định không có hồ sơ chứng minh chị T và anh N đã đăng ký kết hôn tại ủy ban. Việc chị T và anh N sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là trái quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị T yêu cầu Tuyên bố không công nhận vợ chồng với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Trần Hồng Q sinh năm 1992, cháu Trần Thị H sinh năm 2000. Hiện cả hai cháu đã trưởng thành tự lập được nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kim T.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị Kim T và anh Trần Văn N.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị Kim T phải nộp là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000326 ngày 31/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo:chị T vàanh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSNDhuyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBNDxã Gi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh